CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

Số: 03 /BC-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

PHẦN A:
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH, LỢI NHUẬN 2022

(Theo báo cáo tài chính Công ty Mẹ đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO chấp thuận - Công ty con không báo cáo nên không có Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022).

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2022:

1. Tổng tài sản Công ty: 148.078.390.475 đ

(Giảm 400.072.586 đ so với thời điểm 31/12/2021, nguyên nhân chủ yếu là giảm giá trị tài sản dài hạn 470.911.025 đ; Tăng giá trị tài sản ngắn hạn 70.838.439 đ). Cụ thể số dư tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 5.952.218.343 đ
- Đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.183.793.000 đ
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 68.035.871.384 đ
- Hàng tồn kho : 51.928.345.236 đ
- Tài sản ngắn hạn khác : 443.998.514 đ
- Tài sản cố định: 6.764.702.986 đ
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang : 11.628.751.493 đ
- Tài sản dài hạn khác : 983.709.519 đ

2. Tình hình nguồn vốn: **148.078.390.475 đ**

2.1. Nợ phải trả: 94.119.197.252 đ

- Nợ ngắn hạn: 91.416.891.241 đ

Trong đó gồm các khoản chủ yếu sau:

+ Vay ngân hàng ĐT & PTVN-CN Đông Hà Nội: 15.445.147.312 đ
+ Vay cá nhân: 4.887.000.000 đ
+ Phải trả người bán: 55.698.886.186 đ
+ Người mua ứng trước: 9.268.308.756 đ
+ Phải nộp ngân sách nhà nước: 683.667.766 đ
+ Phải trả người lao động: 4.169.178.795 đ
+ Chi phí phải trả ngắn hạn, ngắn hạn khác: 922.730.126 đ

.....

- Nợ dài hạn: (dự phòng phải trả dài hạn)	2.702.306.011 đ
2.2. Nguồn vốn chủ sở hữu:	53.959.193.223 đ
Trong đó:	
+ Vốn góp của cổ đông:	61.080.780.000 đ
+ Cổ phiếu quỹ:	-23.190.000 đ
+ Quỹ đầu tư phát triển:	5.370.231.737 đ
+ Lỗ lũy kế đến 31/12/2022:	-12.468.628.514 đ
+ Lãi hoạt động kinh doanh 2022 là:	5.836.014.936 đ

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

1. Doanh thu năm 2022:	**84.280.645.510 đ**
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	83.756.458.670 đ
- Doanh thu hoạt động tài chính:	21.321.266 đ
- Doanh thu khác (Thu nhập khác):	502.865.574 đ
2. Chi phí sản xuất kinh doanh:	
Tổng chi phí năm 2022 là:	**78.444.630.574 đ**
2.1 Chi phí các đơn vị thực hiện (giá vốn hàng bán):	69.308.640.090 đ
2.3 Chi phí tài chính (trả lãi vay 2.004.600.510 đ):	2.015.073.552 đ
2.4 Chi phí khác:	322.574.428 đ
2.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp (642):	6.798.342.504 đ
3. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2022:	**5.836.014.936 đ**
3.1 Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN:	5.836.014.936 đ
3.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:	0 đ
3.3 Lợi nhuận hoạt động năm 2022:	5.836.014.936 đ

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NHÀ NƯỚC:

1. Thuế phải nộp đầu năm (Năm trước chuyển sang):	2.263.481.459 đ
2. Tổng số thuế phải nộp trong năm 2022:	4.669.640.542 đ
3. Tổng số thuế đã nộp trong năm 2022:	6.449.454.235 đ
4. Số thuế còn phải nộp chuyển sang năm 2023:	483.667.766 đ

IV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022

Năm 2022, hoạt động kinh doanh công ty về sản xuất công nghiệp và thi công công trình đều có hiệu quả, có lãi nhưng vì các năm trước thua lỗ nên toàn bộ lợi nhuận năm nay được hạch toán bù lỗ cho các năm trước. Tính đến ngày 01/01/2023 công ty còn lỗ lũy kế là -12.468.628.514 đ (âm mười hai tỷ, bốn trăm sáu tám triệu, sáu trăm hai tám ngàn, năm trăm mười bốn đồng).

Các ảnh hưởng khác đến kết quả sản xuất kinh doanh (nếu có) của cơ quan thuế, cơ quan tài chính hay cơ quan khác có thẩm quyền kiểm tra kết luận được điều chỉnh vào số liệu kế toán năm phát hiện kiểm tra hoặc nguồn quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển.

V. TÌNH HÌNH THANH QUYẾT TOÁN THU, VAY VỐN NGÂN HÀNG:

1. Tình hình thanh quyết toán,thu vốn, vay vốn phục vụ cho hoạt động của công ty năm 2022:

- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác: 102.085.829.983 đ
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh: 11.524.637.650 đ
- Tiền thu từ hoạt động đầu tư : 21.293.443 đ
- Tiền thu từ hoạt động tài chính (vay ngân hàng….): 17.400.547.312 đ

Tổng cộng: 131.032.308.388 đ

2. Tình hình vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh:

+ Dư nợ vay ngắn hạn đầu năm: 23.031.100.695 đ

Trong đó Vay ngân hàng đầu năm 16.444.100.695 đ

+ Tổng số vay ngắn hạn trong năm: 17.400.547.312 đ

+ Tổng số trả ngắn hạn trong năm : 20.099.500.695 đ

+ Dư nợ vay ngắn hạn ngày 31/12/2022: 20.332.147.312 đ

Trong đó vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 15.445.147.312 đ

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ VIỆC CHẤP HÀNH CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

1) Các chỉ tiêu đánh giá tổng quát tài chính năm 2022:

+ Tài sản cố định / Tổng tài sản: 4.57%
+ Tài sản lưu động / Tổng tài sản: 86.13%
+ Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn: 36.44%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản: 3,94%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu: 6,92%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp cổ đông: 9,55%
+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/ Tổng nợ): 1.57 lần.
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(Tổng TSNH/Tổng NNH): 1.40 lần.
+ Khả năng thanh toán nhanh(Tổng tiền/Tổng NNH): 0,065 lần.

2) Công tác kế toán, kiểm toán:

Công tác kế toán: Lực lượng làm công tác Tài chính - kế toán yếu và thiếu, trình độ chưa đồng đều, chưa đáp ứng tốt cho yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh đặc biệt là trong công tác quản lý còn chưa thật kiên quyết, chặt chẽ và chưa thật

kịp thời, việc giám sát chi tiêu, quản lý và sử dụng máy móc thiết bị, quản lý định mức chưa tốt, công việc định kỳ còn phải để lãnh đạo phòng ban, lãnh đạo công ty đôn đốc, nhắc nhở, chưa thể hiện được vai trò và trách nhiệm trong công việc.....Tuy vậy, kế toán của công ty Mẹ nói chung luôn cố gắng, đáp ứng được yêu cầu theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty đại chúng về thời gian và chất lượng. Riêng công ty con "Công ty TNHH MTV Công trình 6 Myanmar" chưa tuyển dụng và bố trí được cán bộ kế toán nên năm 2022, Công ty này không có báo cáo tài chính – Công ty Mẹ không có số liệu lên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

Báo cáo tài chính quý, năm được lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán chấp thuận và đã được nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước, công bố thông tin theo quy định (ngoại trừ Báo cáo tài chính hợp nhất không lập được do Công ty con không gửi Báo cáo đúng quy định).

3) Công tác quyết toán thuế:

- Hàng tháng, hàng quý cán bộ kế toán công ty đã gửi báo cáo thuế cho cơ quan quản lý thuế đầy đủ và đúng hạn.

- Cuối năm Công ty đã lập và gửi báo cáo quyết toán thuế, Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho cơ quan thuế và các cơ quan quản lý Nhà Nước theo đúng quy định.

- Năm 2022, Cục thuế Hà Nội đã thực hiện thanh kiểm tra thuế tại Công ty Cổ phần Công trình 6 (Thanh tra Công ty Mẹ) theo Quyết định thanh tra số 48819/QĐ-CTHN -TTKT17 ngày 10/10/2022, thời kỳ thanh tra 05 năm từ năm 2017 đến năm 2021. Kết quả thanh tra đã được kế toán công ty tổng hợp và điều chỉnh vào số liệu kế toán năm 2022.

PHẦN B

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH- LỢI NHUẬN NĂM 2023.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, căn cứ khả năng, năng lực của Công ty Cổ phần Công trình 6. Trên cơ sở thực tiễn và thống kê các chỉ tiêu đã thực hiện. Chúng tôi xây dựng trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 kế hoạch Tài chính, giải pháp điều hành, huy động , sử dụng vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 như sau:

I. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH:

1. Kế hoạch vốn lưu động cho SXKD: Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
A	**CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2022**	
1	Giá trị tổng sản lượng thực hiện năm 2022	108.496
2	Doanh thu SXKD thực hiện 2022	83.756
3	Giá trị bình quân tài sản ngắn hạn thực tế trong năm 2022 [(đầu năm + cuối năm)/2]	127.508
4	Số vòng quay vốn lưu động thực hiện (2/3)	0,6568
5	Dư nợ vay ngắn hạn cuối năm (ngày 31/12/2022)	20.332
6	Vốn tạm ứng công trình B.Quân (tiền ứng trước)	9.491
7	Vốn chiếm dụng khách hàng thường xuyên (B.quân)	55.144
B	**KẾ HOẠCH VỐN LƯU ĐỘNG NĂM 2023**	
1	Giá trị sản lượng kế hoạch năm 2023	210.000
2	Doanh thu kế hoạch năm 2023	145.000
3	Lãi trước thuế (không nhỏ hơn 5 tỷ)	5.000
4	Khấu hao tài sản cố định	5.000
5	Nhu cầu vốn Lưu động cần thiết cho SXKD (2-3-4)	135.000
6	Vòng quay vốn lưu động kế hoạch 2023 (0,6568 x 25%)	0,82
7	Nhu cầu vốn lưu động Bình quân năm 2023 (=5/6)	164.634
8	Vốn lưu động tự có bình quân tự có (Bằng vốn chủ sở hữu trừ đi giá trị vốn đang nằm trong đầu tư tài sản dài hạn)	30.000
9	Vốn lưu động vay NH, cá nhân B.quân kế hoạch 2023	65.000
10	Vốn nợ bình quân khách hàng và nợ khác	69.634

2. Kế hoạch đầu tư tài sản cố định và nguồn vốn đầu tư:

a. Kế hoạch dự án đầu tư năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc chỉ đạo các bộ phận, phòng ban chức năng nghiên cứu tính toán đầu tư các máy móc thiết bị cần thiết cho phục vụ kinh doanh của công ty khi có nhu cầu cần thiết. Tổng mức đầu tư dự kiến là 3.460.000.000 đ (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

b. Nguồn vốn đầu tư dự án 2023:

Căn cứ dự án của Ban giám đốc quyết định đầu tư, công ty xây dựng và thực hiện tìm kiếm nguồn vốn thích hợp. Nguồn vốn sử dụng cho dự án sẽ được huy động từ các nguồn sau:

+ Nguồn vốn khấu hao; Bán, khoán cho thuê khai thác các tài sản công ty chưa phát huy hết tiềm năng, hiệu quả thu hồi vốn đầu tư vào dự án mới hiệu quả hơn;

+ Sử dụng nguồn vốn vay huy động từ các ngân hàng, cá nhân và tổ chức tín dụng khác.

II. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH VỐN CHO SXKD & ĐẦU TƯ NĂM 2023:

Để đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2023 với nguồn vốn hiện có của công ty cần phải thực hiện cho được kế hoạch nguồn vốn như sau:

+ Tăng cường chất lượng công tác thanh quyết toán công trình, công tác thu hồi nợ bán sản phẩm công nghiệp (tà vẹt cho các đơn vị quản lý), thu hồi vốn nhanh đối với các công trình dự án, các sản phẩm công nghiệp đã tiêu thụ. Tìm các biện pháp để thanh, quyết toán thu vốn các công trình thi công xong đã lâu chưa thu được tiền như gói thầu WB4-12, gói thầu số 11 Hạ Long - Cái Lân ...;

+ Tích cực tìm kiếm và chỉ đạo việc chuyển nhượng đất tại TP.HCM, chuyển nhượng dự án mỏ đá Suối Kiết, tỉnh Bình Thuận, thực hiện liên doanh liên kết và tìm kiếm các nguồn vốn cho đầu tư, chia sẻ cơ hội đầu tư kinh doanh với các nhà đầu tư, doanh nghiệp mạnh để thu lợi cho công ty; Khai thác tốt các quan hệ với khách hàng, bạn hàng cung cấp vật tư, nguyên nhiên vật liệu đảm bảo được kế hoạch nợ định mức trong thanh toán; tăng cường tìm biện pháp để được ứng trước tiền công trình;

+ Có quy định rõ ràng, phù hợp nhằm động viên thu hút nguồn lực tài chính nhàn rỗi trong cán bộ công nhân viên công ty, các cá nhân khác ngoài công ty trên cơ sở hài hòa lợi ích của cá nhân và tập thể công ty. Cho phép ban lãnh đạo công ty được vay vốn cá nhân với lãi suất tối đa không quá 150% lãi suất vay vốn ngân hàng cùng kỳ (Trường hợp công ty không vay được vốn từ ngân hàng); Cho phép lãnh đạo công ty thuê mướn tài sản cá nhân để làm tài sản đảm bảo với Ngân hàng cho nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty (sử dụng tài sản của bên thứ 3); Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn, các công cụ tài chính khác. Tăng cường quan hệ với Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn vay, bảo lãnh cho hoạt động của công ty.

III. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 2023:

+ Doanh thu năm 2023: 145.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2023, tối thiểu: 5.000.000.000 đồng.

(Toàn bộ lợi nhuận 2023 được sử dụng để bù lỗ cho các năm trước cho đến khi công ty không còn lỗ lũy kế trên sổ sách và Báo cáo tài chính).

Trên đây báo cáo về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023.

Kính chúc đại hội thành công. Xin cảm ơn./.

Nơi gửi:
- UVHĐQT;
- BKS Công ty;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- Lưu VT, HĐQT;

U.V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Anh Tuấn